

Phụ lục

BẢNG XÁC NHẬN NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT, TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐANG SỬ DỤNG, TỶ LỆ % THU HỒI CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐANG SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP, TRỰC TIẾP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CÓ THU NHẬP TỪ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐẤT THU HỒI

Công trình: Đường điện tổ 3, 4, thôn Đam

Địa điểm: Xã Tây Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi (trước là xã Trà Tây, huyện Trà Bồng)

(Kèm theo Công văn số /UBND-PKT ngày tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Tây Trà Bồng)

DVT: m2

STT		Tờ BĐĐC khu đất tỷ lệ 1/2000 năm 2025										Khu vực, vị trí đất	Thông tin về Giấy chứng nhận QSD đất					Ghi chú
	Hộ ông/bà	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐĐC khu đất	Số thửa	Diện tích (m ²)				Loại đất	Tờ BĐĐC	Tờ bản đồ (cũ)		Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng diện tích đất nông nghiệp thu hồi, bồi thường (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nguồn gốc đất	
					Tổng diện tích	Tổng dt quy hoạch	DT QH Hố trụ	DT QH HLAT lưới điện										
1	Hộ ông	Hồ Xuân Phúc	1	1	190,6	1,8	1,8		ONT	1	1	3/VT4				Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số BS 920993 cho hộ ông Hồ Xuân Phúc		
2	Hộ ông	Hồ Văn Giới	1	8	547,1	1,5	1,5		ONT+ HNK	1	1	2	58302,1	6,5	0,011%	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số BS 920987 cho hộ ông: Hồ Văn Giới	
			1	41	1421,6	5,0	5,0		RSX	21	11	2				Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số AI 571723 cho hộ ông: Hồ Văn Giới		
3	Hộ ông	Hồ Văn Châu	1	36	923,5	3,0	3,0		RSX	21	11	2	44608,6	3,0	0,007%	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số AI 571707 cho hộ ông: Hồ Văn Non (chết) và bà: Hồ Thị Cốt (chết)	

STT	Tờ BĐĐC khu đất tỷ lệ 1/2000 năm 2025									Thông tin về Giấy chứng nhận QSD đất							Ghi chú	
	Hộ ông/bà	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ ĐC khu đất	Số thửa	Diện tích (m²)				Loại đất	Tờ BĐ ĐC	Tờ bản đồ (cũ)	Khu vực, vị trí đất	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng diện tích đất nông nghiệp thu hồi, bồi thường (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó		Nguồn gốc đất
					Tổng diện tích	Tổng dt quy hoạch	DT QH Hố trự	DT QH HLAT lưới điện										
3	Hộ ông	Hồ Văn Châu	1	4	662,2	1,8	1,8		ONT+ HNK	2	2	1	58302,1	1,8	0,003%	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số BS 920992 cho ông: Hồ Văn Non (chết)	
4	Hộ ông	Hồ Văn Phú	1	38	900,8	1,5	1,5		RSX	21	11	2	34318,6	1,5	0,004%	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số AI 571856 cho hộ ông Hồ Văn Phú	
5	Hộ ông	Hồ Văn Sơn	1	39	282,6	1,8	1,8		RSX	21	11	2	27076,9	1,8	0,007%	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số AI 571725 cho hộ ông Hồ Văn Sơn	
6	Hộ ông	Hồ Văn Khóa	1	40	2641,0	1,5	1,5		RSX	21	11	2	48906	1,5	0,003%	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số AI 571864 cho hộ ông Hồ Văn Khóa	
7	Hộ ông	Phạm Văn Hôn	1	1	305,5	1,8	1,8		ONT	2	2	3/VT1				Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số BS 920989 cho hộ ông Phạm Văn Hôn	

STT	Hộ ông/bà	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐĐC khu đất tỷ lệ 1/2000 năm 2025							Tờ BĐ ĐC	Tờ bản đồ (cũ)	Khu vực, vị trí đất	Thông tin về Giấy chứng nhận QSD đất					Ghi chú
			Tờ BĐ ĐC khu đất	Số thửa	Diện tích (m²)				Loại đất				Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng diện tích đất nông nghiệp thu hồi, bồi thường (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nguồn gốc đất	
					Tổng diện tích	Tổng dt quy hoạch	DT QH Hồ trụ	DT QH HLAT lưới điện										
8	Hộ ông	Nguyễn Văn Hiếu	1	6	2163,8	21,2	6,7	14,5	ONT+ HNK	2	2	1	11085,8	9,2	0,083%	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số BB 302369 cho hộ ông Nguyễn Văn Hiếu	
			1	59	2828,3	78,2	2,5	75,7	RSX	1	1	1				Tự khai hoang từ năm 2004 sử dụng ổn định không có tranh chấp vào mục đích nông nghiệp đến nay. Được phòng Nông nghiệp và Môi trường, huyện Trà Bồng Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai tại TB Số 209/TB-ĐKĐĐ ngày 13/6/2025		
9	Hộ ông	Hồ Văn Minh	1	7	1899,3	3,3	3,3		ONT+ HNK	2	2	1	12010,3	3,3	0,027%	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số BS 922719 cho hộ ông Hồ Văn Minh	
10	Hộ ông	Hồ Văn Tuấn	1	9	530,5	1,8	1,8		ONT+ HNK	2	2	2	30793,5	1,8	0,006%	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số BS 922730 cho hộ ông Hồ Văn Tuấn	
11	Hộ bà	Hồ Thị Ây	1	56	1737,4	1,5	1,5		RSX	22	12	2	24517	3,0	0,012%	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số AI 571874 cho hộ ông Hồ Văn Viên (chết) và bà Hồ Thị Ây	
			1	58	1124,9	1,5	1,5		RSX	22	12	2						

STT	Tờ BĐĐC khu đất tỷ lệ 1/2000 năm 2025								Thông tin về Giấy chứng nhận QSD đất							Ghi chú		
	Hộ ông/bà	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐĐC khu đất	Số thửa	Diện tích (m²)				Loại đất	Tờ BĐĐC	Tờ bản đồ (cũ)	Khu vực, vị trí đất	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng diện tích đất nông nghiệp thu hồi, bồi thường (m2)	Tỷ lệ % thu hồi		Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nguồn gốc đất
					Tổng diện tích	Tổng dt quy hoạch	DT QH Hố trụ	DT QH HLAT lưới điện										
12	Hộ ông	Hồ Văn Chinh	1	57	1036,8	3,3	3,3		RSX	22	12	2	14070	5,1	0,036%	Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được cấp GCN QSDĐ số AI 571741 cho hộ bà Hồ Thị Hà (chết)	
			1	61	154,5	1,8	1,8		RSX	1	1	2					Cha mẹ khai hoang năm 1998 và để lại cho con năm 2020 sử dụng ổn định không có tranh chấp vào mục đích nông nghiệp đến nay. Được phòng Nông nghiệp và Môi trường, huyện Trà Bồng Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai tại TB Số 210/TB-ĐKĐĐ ngày 13/6/2025	
Tổng cộng				17	19350,4	132,3	42,1	90,2					363990,9	38,5				

stt TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐANG SD

1	Giới	58302,1
2	Châu	44608,6
3	Hồ Văn Phú	34318,6
4	Hồ Văn Sơn	27076,9
5	Hồ Văn Khóa	48906
6	Hiếu	11085,8
7	Hồ Văn Minh	12010,3
8	Hồ Văn Tuấn	30793,5
9	Ây	24517
10	Chinh	14070